

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.
HCM VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



TIÊU LUẬN TRIẾT HỌC

Đề tài số 3:

**SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA TRIẾT
HỌC NHO GIA VÀ TRIẾT HỌC ĐẠO GIA Ở TRUNG
QUỐC THỜI CỔ ĐẠI**

HVTH : Vũ Huỳnh

Phỏng STT : 53

Nhóm : 06

Lớp : Cao học Ngày 4

Khóa : 22

GVHD : TS. Bùi Văn

TP. HCM, Tháng 12/2012



NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Form with 10 horizontal dotted lines for writing.

LỜI CẢM ƠN

Triết học là nguồn gốc lịch sử nhân loại, là hệ thống tri thức có tính trừu tượng và khái quát hóa cao, nó phản ánh xã hội bằng một hệ thống phạm trù. Do vậy việc nghiên cứu Triết học là môn học bắt buộc trong giai đoạn đại cương của các bậc học và chương trình cao học cũng không là ngoại lệ. Để tiếp cận với kho tàng kiến thức ấy em không quên những người đã tạo điều kiện cho em học hỏi, nghiên cứu và lĩnh hội các phạm trù triết học ấy.

Lời đầu tiên em xin cảm ơn Ban Giám hiệu trường ĐH Kinh tế TP HCM, Tiểu ban Triết Học - Khoa lý luận chính trị Trường ĐH Kinh tế TPHCM đã tạo điều kiện tốt nhất cho học viên có môi trường học tập và trau dồi thêm kiến thức môn học này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Tiến Sĩ Bùi Văn Mura, người Thầy với tất cả sự nhiệt tình, yêu nghề đã truyền đạt những kiến thức bổ ích và kinh nghiệm quý báu cho lớp Ngày 4 – K22 cũng như hướng dẫn tận tình và cung cấp giáo trình, tài liệu tham khảo cho em hoàn thành đề tài này.

Và cuối cùng, Em xin gửi lời cảm ơn tất cả các thành viên Nhóm 6 của lớp Ngày 4 đã góp phần tạo nên một tập thể đoàn kết, thúc đẩy tinh thần học tập, nghiên cứu của các thành viên. Trong quá trình tìm hiểu về đề tài, em đã cố gắng hết sức nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những hạn chế, em mong nhận được ý kiến đóng góp của Thầy và các bạn.

Trân trọng!

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương I: Lịch sử hình thành, nội dung, đặc điểm của	
Nho gia và Đạo gia	2
1.1. Khái quát về Nho Gia	2
1.1.1 Lịch sử hình thành	2
1.1.2 Nội dung	4
1.1.3 Đặc điểm	5
1.2. Khái quát về Đạo Gia	7
1.2.1 Lịch sử hình thành	7
1.2.2 Nội dung	8
1.2.3 Đặc điểm	9
Chương II: Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho gia và Đạo gia	11
2.1 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia	
Gia về con người	11
Gia về chính trị - xã hội...	12
2.2 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia	
2.3 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về tư tưởng biện chứng...	14
2.4 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia	
Gia về giáo dục	16
Gia về khởi nguyên	
2.5 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia	
vũ trụ...	17
Chương 3: Kết luận	19
PHỤ LỤC :Những ảnh hưởng của học thuyết Nho gia và Đạo gia đến xã hội Việt Nam	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO	26

LỜI MỞ ĐẦU

- **Lý do chọn đề tài :** Trong bối cảnh xã hội Trung Hoa đầy biến động giai đoạn Xuân thu, Chiến quốc, nhiều hệ thống triết học đã ra đời và phát triển nhằm đưa ra những phương cách giải quyết khác nhau cho những vấn đề thực tiễn chính trị - đạo đức – xã hội mà thời đại đặt ra. Tiêu biểu là hai trường phái Nho gia và Đạo gia. Hai trường phái triết học này có ảnh hưởng rất lớn đến thế giới quan của Triết học sau này, không những của người Trung Hoa mà cả những nước chịu ảnh hưởng của nền Triết học Trung Hoa, trong đó có Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu về hai trường phái triết học này là rất cần thiết.

- **Mục tiêu của đề tài :** Quá trình tìm hiểu tư tưởng Triết học của Nho gia – Đạo gia góp phần đưa ra những nhận định về những tư tưởng chủ đạo của hai hệ thống học thuyết này, qua đó đánh giá được những ảnh hưởng của nó đến đặc trưng tư tưởng của Triết học Phương Đông và phần nào hiểu biết thêm về sự phát triển tư tưởng của Việt Nam dưới ảnh hưởng của tư tưởng triết học Trung Hoa.

- **Phạm vi nghiên cứu :** Nét tương đồng - khác biệt giữa hai trường phái Nho gia - Đạo gia và sự ảnh hưởng của hai trường phái này tới xã hội Việt Nam.

- **Phương Pháp Nghiên Cứu:**

- *Cơ sở phương pháp luận:* Đề tài được triển khai dựa trên nội dung của triết học Nho gia và Đạo gia.
- *Các phương pháp cụ thể:* Trong quá trình nghiên cứu và trình bày đề tài, các phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng như: phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích tổng hợp,...

- **Bố cục đề tài:**

Chương 1: Lịch sử điểm của nho gia và đạo gia
hình thành, nội
dung, đặc

Chương 2: Sự tương đồng và khác gia
biệt giữa nho gia và đạo

Chương 3: Kết luận

CHƯƠNG I: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, NỘI DUNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA NHO GIA VÀ ĐẠO GIA

1.1. Khái quát về Nho Gia:

1.1.1 Lịch sử hình thành:

Trong xã hội Trung Hoa cổ đại, “Nho” là một danh hiệu chỉ những người có học thức, biết lễ nghi. Nho giáo là hệ thống giáo lý của các nhà Nho nhằm tổ chức xã hội có hiệu quả. Những cơ sở của nó được hình thành từ thời Tây Chu, đặc biệt là với sự đóng góp của Chu Công Đán. Đến lượt mình, Khổng Tử phát triển tư tưởng của Chu Công, hệ thống hóa lại và tích cực truyền bá, vì vậy ông được xem là người sáng lập Nho giáo.

Khổng Tử sống trong thời Xuân Thu (722-480 TCN). Lúc bấy giờ, thế lực của thiên tử nhà Chu ngày càng sa sút, bị chư hầu lấn lướt. Các nước chư hầu đánh nhau triền miên, gây xung đột và đối lập giữa hai miền nam bắc. Các nước nhỏ dần dần bị thôn tính. Thời kỳ này thể chế quốc gia thống nhất bị phá vỡ, sản sinh ra nhiều nước Chư hầu lớn nhỏ.

Khi học thuyết Khổng Tử mới xuất hiện không trở thành tư tưởng chủ yếu ngay mà mãi đến thế kỷ thứ 2 trước công nguyên, Trung Quốc lúc đó đã là một nhà nước theo thể độ tập quyền trung ương lớn mạnh và thống nhất. Trải qua nhiều nỗ lực của giai cấp thống trị và các đại sĩ phu thời Hán, Khổng Tử và tư tưởng Nho gia của ông mới trở thành tư tưởng chính thống.

Khổng Tử đã soạn, hiệu đính và giải thích bộ Lục kinh gồm có Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu và Kinh Nhạc. Về sau Kinh Nhạc bị thất lạc nên chỉ còn năm bộ kinh thường được gọi là Ngũ kinh. Sau khi Khổng Tử mất, học trò của ông tập hợp các lời dạy để soạn ra cuốn Luận ngữ. Học trò xuất sắc nhất của Khổng Tử là Tăng Sâm, còn gọi là Tăng Tử, dựa vào lời thầy mà soạn ra sách Đại học. Sau đó, cháu nội của Khổng Tử là Khổng Cấp, còn gọi là Tử Tư viết ra cuốn Trung Dung.

Đến thời Chiến Quốc (480-221 TCN), do bất đồng về bản tính con người mà Nho gia bị chia thành 8 phái, trong đó phái của Tuân Tử và phái của Mạnh Tử là mạnh nhất.

Mạnh Tử (372 - 298 TCN) đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Nho gia nguyên thủy. Ông đưa ra các tư tưởng mà sau này học trò của ông chép thành sách Mạnh Tử. Ông đã khép lại một giai đoạn hình thành Nho gia. Vì vậy, Nho gia Khổng-

Mạnh còn được gọi là Nho gia nguyên thủy hay Nho gia tiên Tần.

Từ đây mới hình thành hai khái niệm, Nho giáo và Nho gia. Nho gia mang tính học thuật, nội dung của nó còn được gọi là Nho học, còn Nho giáo mang tính tôn giáo. Ở Nho giáo, Văn Miếu trở thành thánh đường và Khổng Tử trở thành giáo chủ, giáo lý chính là các tín điều mà các nhà Nho cần phải thực hành.

Đến thời Tây Hán, Đại Học và Trung Dung được gộp vào Lễ Ký. Hán Vũ Đế đưa Nho giáo lên hàng quốc giáo và dùng nó làm công cụ thống nhất đất nước về tư tưởng. Và từ đây, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống bảo vệ chế độ phong kiến Trung Hoa trong suốt hai ngàn năm. Nho giáo thời kỳ này được gọi là Hán Nho. Điểm khác biệt so với Nho giáo nguyên thủy là Hán Nho đề cao quyền lực của giai cấp thống trị, Thiên Tử là con trời, dùng "lễ trị" để che đậy "pháp trị".

Đổng Trọng Thư (179-104 TCN) đã dựa trên lợi ích giai cấp phong kiến thống trị, khai thác lý luận Âm dương-Ngũ hành, đưa ra thuyết trời sinh vạn vật và thiên nhân cảm ứng để chinh thêm Nho gia trong việc giải thích vạn vật, con người và xã hội. Ông đã hệ thống hóa kinh điển Nho gia thành Tứ thư và Ngũ kinh, đồng thời đưa ra quan niệm tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức đối với phụ nữ. Những quan điểm này đã nhanh chóng trở thành tiêu chuẩn đạo đức và nền tảng tư tưởng xã hội, trở thành hệ tư tưởng của giai cấp phong kiến thống trị Trung Quốc. Nho gia không dừng lại với tư cách một trường phái triết học vươn lên thành hệ tư tưởng xã hội mà còn được mở rộng thành một hệ thống niềm tin, tín ngưỡng-nghi thức được phổ biến trong toàn xã hội. Nho giáo xuất hiện và Khổng Tử được suy tôn làm Giáo chủ của đạo Học.

Sang thời nhà Tống, Nho giáo mới thật sự phát triển rất mạnh. Chính Chu Đôn Di (1017-1073) và Thiệu Ung (1011-1077) là những người khởi xướng lý học trong Nho giáo. Ngoài ra, thời này còn có hai anh em họ Trình-Trình Hạo (1032-1085), Trình Di (1033-1107), và Chu Hy (1130- 1200)... là những nhà lý học xuất sắc. Họ đã nêu ra thuyết Cách vật trí tri (cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ)...

Nho giáo tiếp tục chi phối đời sống tư tưởng xã hội Trung Quốc qua các triều đại tiếp theo, nhưng nói chung, Nho giáo trong thời Minh-Thanh không có phát triển mới nổi bật mà ngày càng khắt khe và bảo thủ.

Sang thế kỷ XIX, Nho giáo đã thật sự trở nên già cỗi, không còn sức sống nữa.

1.1.2 Nội dung:

Cốt lõi của Nho giáo là Nho gia. Đó là một học thuyết chính trị nhằm tổ chức xã hội. Để tổ chức xã hội có hiệu quả, điều quan trọng nhất là phải đào tạo cho được người cai trị kiểu mẫu - người lý tưởng này gọi là quân tử (quân = cai trị, quân tử = người cai trị). Để trở thành người quân tử, con người ta trước hết phải "tự đào tạo", phải "tu thân". Sau khi tu thân xong, người quân tử phải có bổn phận phải "hành đạo" (hành động theo đạo lý).

❖ Tu thân: Người quân tử phải đạt ba điều trong quá trình tu thân:

- Đạt Đạo: Đạo có nghĩa là "con đường", hay "phương cách" ứng xử mà người quân tử phải thực hiện trong cuộc sống. "Đạt đạo trong thiên hạ có năm điều: đạo vua tôi, đạo cha con, đạo vợ chồng, đạo anh em, đạo bạn bè" (sách Trung Dung), tương đương với "quân thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu". Đó chính là "ngũ luân" (luân = thứ bậc, đạo cư xử). Trong xã hội cách cư xử tốt nhất là "trung dung". Tuy nhiên, đến Hán nôм ngũ luân được tập chung lại chỉ còn ba mối quan hệ quan trọng nhất được gọi là "tam thường": "quân thân, phụ tử, phu phụ". Và cách ứng xử không còn trung dung nữa mà là mối quan hệ một chiều, đó là: "trung, hiếu, tiết nghĩa". Tôi phải tuyệt đối phục tùng vua, con phải tuyệt đối phục tùng cha, vợ phải tuyệt đối phục tùng chồng. Mối quan hệ đó được thể hiện: "Vua bảo tôi chết, tôi không chết là tôi bất trung; cha bảo con chết, con không chết là con bất hiếu" (quân xử thân tử, thân bất tử bất trung; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu). Còn trách nhiệm của vợ đối với chồng thì được diễn đạt bằng ba công thức được gọi là "tam tông": "ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con trai" (tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử).

- Đạt Đức: Quân tử phải đạt được ba đức: "nhân - trí - dũng". Khổng Tử nói: "Đức của người quân tử có ba mà ta chưa làm được. Người nhân không lo buồn, người trí không nghi ngại, người dũng không sợ hãi" (sách Luận ngữ). Về sau, Mạnh Tử thay "dũng" bằng "lễ, nghĩa" nên ba đức trở thành bốn đức: "nhân, nghĩa, lễ, trí". Hán nho thêm một đức là "tín" nên có tất cả năm đức là: "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín". Năm đức này còn gọi là "ngũ thường".

- Biết Thi, Thư, Lễ, Nhạc: Ngoài các tiêu chuẩn về "đạo" và "đức", người quân tử còn phải biết "Thi, Thư, Lễ, Nhạc". Tức là người quân tử còn phải có một vốn văn hóa toàn diện.

❖ Hành đạo: Sau khi tu thân, người quân tử phải hành đạo, tức là phải làm quan, làm chính trị. Nội dung của công việc này được công thức hóa thành "tề gia, trị

quốc,

bình thiên hạ". Tức là phải hoàn thành những việc nhỏ - gia đình, cho đến lớn - trị quốc, và đạt đến mức cuối cùng là bình thiên hạ (thống nhất thiên hạ). Kim chỉ nam cho mọi hành động của người quân tử trong việc cai trị là hai phương châm:

- Nhân trị: Nhân là tình người, nhân trị là cai trị bằng tình người, là yêu người và coi người như bản thân mình. Khi Trọng Cung hỏi thế nào là nhân thì Khổng Tử nói: "Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác" (sách Luận ngữ). Nhân được coi là điều cao nhất của luân lý, đạo đức, Khổng Tử nói: "Người không có nhân thì lễ mà làm gì? Người không có nhân thì nhạc mà làm gì?" (sách Luận ngữ).

- Chính danh: Chính danh là mỗi sự vật phải được gọi đúng tên của nó, mỗi người phải làm đúng chức phận của mình. "Danh không chính thì lời không thuận, lợi không thuận tất việc không thành" (sách Luận ngữ). Khổng tử nói với vua Tề Cảnh Công: "Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con" (sách Luận ngữ). Đó chính là những điều quan trọng nhất trong các kinh sách của Nho giáo, chúng được tóm gọi lại trong chín chữ: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Và đến lượt mình, chín chữ đó chỉ nhằm phục vụ mục đích cai trị mà thôi. Quân tử ban đầu có nghĩa là người cai trị, người có đạo đức và biết thi, thư, lễ, nhạc. Tuy nhiên, sau này từ đó còn có thể chỉ những người có đạo đức mà không cần phải có quyền. Ngược lại, những người có quyền mà không có đạo đức thì được gọi là tiểu nhân (như dân thường).

1.1.3 Đặc điểm

Nho giáo có rất nhiều điểm mâu thuẫn, nếu chưa tính đến Nho giáo các đời sau, Nho giáo nguyên thủy chứa đựng rất nhiều mâu thuẫn về nguyên tắc; ví dụ, Khổng Tử nói "dân làm gốc" nhưng lại gọi dân là "tiểu nhân",... Việc tìm ra các đặc điểm của Nho giáo để giải thích các mâu thuẫn đó yêu cầu nghiên cứu về quá trình hình thành Nho giáo, tức là tìm về nguồn gốc của Nho giáo. Nho giáo là sản phẩm của hai nền văn hóa: văn hóa du mục phương Bắc và văn hóa nông nghiệp phương Nam. Chính vì thế nó mang đặc điểm của hai loại hình văn hóa này.

❖ Tính du mục phương Bắc:

- Tính "quốc tế" là một trong những đặc tính khác biệt của văn hóa du mục so với văn hóa nông nghiệp. Tính quốc tế trong Nho giáo thể hiện ở mục tiêu cao nhất của người quân tử là "bình thiên hạ". Bản thân Khổng Tử đã nhiều lần rời bỏ nước Lỗ, quê hương ông để đi tìm minh chủ. Đối với người quân tử, việc tìm được một minh quân quan trọng hơn việc làm gì cho đất nước của mình. Trong các truyền thuyết và văn học

Trung Hoa, việc các nhân tài thay đổi minh chủ là điều rất thường thấy. Đó cũng là một trong những ảnh hưởng của Nho giáo.

- Tính "phi dân chủ" và hệ quả của nó là tư tưởng "bá quyền", coi khinh các dân tộc khác, coi mình là trung tâm còn "tứ di" xung quanh đều là "bỉ lậu" cả. Khổng Tử nói: "Các nước Di, Địch, dù có vua nhưng cũng không bằng Hoa Hạ (Trung Hoa) không có vua" (sách Luận ngữ). Tính phi dân chủ còn được thể hiện ở chỗ coi thường người dân, đặc biệt là phụ nữ. Khổng Tử gọi dân thường là "tiểu nhân", đối lập với người "quân tử". Còn đối với phụ nữ, ông nói: "Chi hạng đàn bà và tiểu nhân là khó dạy. Gần thì họ nhờn, xa thì họ oán" (sách Luận ngữ).

- Tính "trọng sức mạnh" được thể hiện ở chữ "Dũng", một trong ba đức mà người quân tử phải có (Nhân - Trí - Dũng). Tuy nhiên ông cũng nhận ra điều nguy hiểm: "Kẻ nào có dũng mà ghét cảnh bần hàn tất làm loạn".

- Tính "nguyên tắc" được thể hiện ở học thuyết "chính danh". Tất cả phải có tôn ti, tất cả phải làm việc theo đúng bổn phận của mình.

❖ Tính nông nghiệp phương Nam

- Tính "hài hòa" là một đặc tính của văn hóa nông nghiệp, trái ngược với tính trọng sức mạnh của văn hóa du mục. Biểu hiện cho tính hài hòa là việc đề cao chữ "Nhân" và nguyên lý "Nhân trị". Khổng Tử từng nói: "Về cái mạnh của phương Nam ư? Hay cái mạnh của phương Bắc ư? ... Khoan hòa mềm mại để dạy người, không báo thù kẻ vô đạo - ấy là cái mạnh của phương Nam, người quân tử ở vào phía ấy. Xông pha gươm giáo, dầu chết không nản, ấy là cái mạnh của phương Bắc - kẻ mạnh ở vào phía ấy" (sách Trung Dung).

- Tính "dân chủ" là đặc tính khác biệt với văn hóa du mục. Khổng Tử nói: "Dân là chủ của thần, vì thế thánh nhân xưa lo cho việc dân rồi mới lo việc thần" (Kinh Xuân Thu). Ông còn nói: "Phải làm trước những công việc của dân, phải khó nhọc vì dân" (sách Luận ngữ). Tính dân chủ còn được thể hiện ở cách cư xử "trung dung" trong "ngũ luân". Trong các quan hệ đó, đều thể hiện tính hai chiều, bình đẳng: Vua sáng, tôi trung; cha hiền, con hiếu; anh tốt, em nhường; bạn bè tin cậy.

- Tính coi trọng văn hóa tinh thần (thi, thư, lễ, nhạc) thể hiện nhiều trong Kinh Thi. Tính "trọng văn" cũng ngược lại với tính "trọng võ" của văn hóa du mục.

⇒ Nhân định h : Xét về ngọn nguồn, có thể thấy Nho giáo chính là sự tổng hợp của hai truyền thống – văn hóa gốc du mục phương Bắc và văn hóa nông nghiệp phương

Nam. Lịch sử hình thành và phát triển của phát
Nho giáo là một quá trình lâu dài , được

triển và bổ sung không ngừng trong suốt quá trình phát triển . Nho giáo không thuần nhất, nhà Nho càng không thuần nhất, trong từng phạm vi nó khác nhau, xét về đồng đại nó có tính hỗn tạp, xét về lịch sử nó giống như một thứ trầm tích. Nhưng sự không thuần nhất, sự thiếu xác định đó không phủ nhận sự tồn tại của một cái Nho giáo nói chung, ít khi tồn tại riêng rẽ. Ngay trong cả sự hỗn tạp vẫn có một cái gì đó là Nho , trong sự kết hợp giữa Nho và các học thuyết , tín ngưỡng khác vẫn theo những quy luật nhất định, đó là quy luật kết hợp theo cách Nho . Nó là hợp chất chứ không phải hỗn hợp. Tuy những quan điểm có đôi chút khác biệt giữa các nhà tư tưởng Nho giáo nhưng nhìn chung các quan điểm này đã làm tư tưởng Nho gia ngày càng củng cố và có sức ảnh hưởng to lớn đến nền triết học phương Đông

1.2. Khái quát về Đạo Gia

1.2.1 Lịch sử hình thành:

Đạo gia ra đời và phát triển rực rỡ từ cuối thời Xuân Thu đến cuối thời Chiến Quốc. Nguồn gốc tư tưởng của Đạo gia xuất phát từ những quan điểm về vũ trụ luận, thiên địa, ngũ hành, âm dương, Kinh Dịch. Nguồn gốc lịch sử được xác nhận của Đạo gia có thể ở thế kỉ thứ 4 trước công nguyên khi tác phẩm *Đạo đức kinh* của Lão Tử xuất hiện. Theo truyền thuyết, *Lão Tử* (khoảng 580- 500 TCN)- người nước Sở là người sáng lập ra Đạo gia. Học thuyết Đạo gia của ông được ông trình bày trong cuốn *Đạo đức kinh*. Sách *Đạo đức kinh* chỉ có khoảng 5 nghìn chữ, được phân ra Thiên thượng 37 chương và Thiên hạ 44 chương, tất cả gồm 81 chương. Phần thứ nhất nói về Đạo, phần hai nói về Đức.

Ngoài Lão Tử là người sáng lập, thì Đạo gia còn có hai yếu nhân khác được thừa nhận và tôn vinh, đó là Dương Chu và Trang Tử. Trong đó vị trí của Trang Tử được sánh ngang với Lão Tử, nên còn gọi là Đạo Lão – Trang.

Dương Chu (khoảng 440 – 360 TCN) là một đạo sĩ ẩn danh và bí hiểm. Tư tưởng của ông được diễn đạt lại thông qua các tác phẩm của cả những người ủng hộ lẫn những người chống đối ông. Chủ thuyết của ông là quý sự sống, trọng bản thân. Ông thường mượn chuyện Bá Thành Tử Cao không chịu mất một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ, nhằm trình bày tư tưởng của mình.

Mãi đến *Trang Tử* (khoảng 369 – 286 TCN), học thuyết của Lão Tử mới lại

được người đời chú ý. Trang Tử là tác giả bộ *Nam Hoa kinh*, là một trong hai bộ kinh

điển của Đạo gia. Bộ sách gồm ba phần, chứa 33 thiên. Trong đó, có nhiều điểm lấy từ Đạo Đức kinh làm chủ đề, nhưng không phải bao giờ cũng đồng thuận.

Trong cảnh loạn ly cuối thời Đông Hán (thế kỷ II TCN), tư tưởng của Lão Tử cộng với chất duy tâm mà Trang Tử đưa vào đã trở thành cơ sở cho việc thần bí hóa đạo gia thành *Đạo giáo*. Chủ trương vô vi cùng với thái độ phản ứng của Lão – Trang đối với chính sách áp bức bóc lột của tầng lớp thống trị khiến cho Đạo giáo rất thích hợp để dùng vũ khí tinh thần tập hợp nông dân khởi nghĩa.

Nếu lấy cuộc Cách Mạng Tam Dân Tân Hợi 1911 làm mốc điểm thì Đạo giáo đã trải qua năm giai đoạn, đó là:

1. Khởi nguyên Đạo giáo: Từ thời cổ đại đến đời Đông Hán (Triều đại Hán Thuận Đế, 125-144 TCN).
2. Đạo giáo sơ kỳ: Từ đời Hán Thuận Đế đến cuối đời Đông Hán (144-220 TCN).
3. Phát triển và chuyển hóa Đạo giáo. Từ đầu đời Tam Quốc đến cuối đời Ngũ Đại (220-960).
4. Phân nhánh Đạo giáo thành các tông phái. Từ đầu đời Tống đến cuối đời Nguyên (960-1368).
5. Đạo giáo thăng trầm trong đời Minh và Thanh (1368-1911).

1.2.2 Nội dung

Những tư tưởng triết học cơ bản của trường phái Đạo gia được thể hiện chủ yếu trong lý luận về đạo và đức. Lý luận này thể hiện quan niệm niệm biện chứng về thế giới, và là cơ sở để Lão Tử xây dựng thuyết vô vi nhằm giải quyết những vấn đề do thời đại đặt ra.

❖ Lý luận về đạo đức

- Đạo là phạm trù triết học vừa để chỉ bản nguyên vô hình phi cảm tính, phi ngôn từ, sâu kín, huyền diệu của vạn vật vừa để chỉ con đường, quy luật chung của mọi sự

sinh thành biến hóa xảy ra trong thế giới. □ Đạo được tạm hiểu như là cái tự nhiên tĩnh mịch, yên lặng, mộc mạc, hỗn độn, mập mờ, thấp thoáng, không có đặc tính, không có hình thể; là cái mắt không thấy, tai không nghe, tay không nắm bắt, ngôn ngữ không thể diễn đạt, tư duy không thể nhận thức được; là cái năng động tự sinh sôi, nảy nở, biến hóa ...Lão Tử viết: Có một vật hỗn mang thành tựu giữa trời đất, yên lặng, mệnh mông, một mình độc lập, tản mát khắp nơi, không ngừng ở đâu, là mẹ của thế gian, ... cái hỗn mang chưa được đặt tên nên tạm gọi là Đạo.

- Đạo vừa là cái có trước vừa là cái nằm trong bản thân sự vật. Đạo sinh nhất – nhất sinh nhị – nhị sinh tam – tam sinh vạn vật.

- Đức là phạm trù triết học dùng để thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của Đạo, là sự trưởng thành của vạn vật, là cái hình thức nhờ đó vạn vật định hình và phân biệt được với nhau, là cái lý sâu sắc để nhận biết vạn vật.

- Quan niệm về đạo, đức của trường phái đạo gia thể hiện một trình độ khái quát cao của tư duy biện chứng khi giải quyết vấn đề bản nguyên thế giới.

❖ Học thuyết vô thân: Theo Lão Tử “Đạo tượng để chi tiên” tức Đạo sinh ra thượng đế, Đạo là mẹ của vạn vật. Lão Tử không lớn tiếng mạt sát, hay chỉ trích tín ngưỡng của người đương thời mà miệt mài đi tìm căn nguyên của vũ trụ đó là Đạo và Đức.

❖ Thuyết Vô vi: Vô vi là sống và hành động theo lẽ tự nhiên, thuận phác, không giả tạo, không gò ép trái với bản tính của mình và ngược với bản tính của tự nhiên; là từ bỏ tính tham lam, vị kỷ để không làm mất đức. Chỉ khi nào từ bỏ được thói tự lợi thì mới nhận thấy đạo, và chỉ khi nhận thấy đạo mới có thể vô vi được.

1.2.3 Đặc điểm

❖ Tự nhiên: là một quan điểm quan trọng bậc nhất của học thuyết Lão Tử, “Đạo pháp tự nhiên” có nghĩa là đạo theo tự nhiên, đạo với tự nhiên là một. Hãy để cho vạn vật được sinh ra được vận hành theo luật riêng, theo bản năng của nó, không nên can thiệp vào.

❖ Phác: Theo Lão Tử sinh vật càng nhỏ, càng thấp như con sâu thì đời sống càng đơn giản, chất phác. Cũng như loài người thời nguyên thủy, sơ khai thì xã hội đơn giản, tính tình chất phác. Càng ngày con người ta càng hóa ra mưu mô, xảo quyệt, gian trá, đời sống càng ngày càng rắc rối, tổ chức xã hội càng phức tạp mà sinh ra loạn lạc, chiến tranh. Từ đó mà ông nhận xét loài người cũng như vạn vật do đạo sinh ra đều phải giữ được chữ Phác (mộc mạc, chất phác) thì mới có hạnh phúc, mới hợp đạo.

❖ Xây dựng một quốc gia lý tưởng: Trở về chế độ bộ lạc dân chủ, tự túc, tự lập thời thượng cổ, mọi người sống theo tự nhiên, tuy có vua (lãnh tụ) nhưng lãnh tụ cũng sống như người khác và không can thiệp vào đời sống của ai cả

❖ Triết lý Vô: Có thể nói học thuyết của Đạo Lão gia là học thuyết Vô. Theo ông, Vạn vật khi đã phát triển đến cực điểm thì bị “tồn” dần dần cho đến khi trở về “vô”. “Vô” là chung cục của một giai đoạn mà cũng là khởi điểm của giai đoạn sau, nó còn là

“bản thủy của trời đất”. Vô không có nghĩa là hoàn toàn không có gì, vô là vô sắc, vô thanh, vô hình đối với cảm quan của ta. Vô sinh ra hữu, rồi hữu trở về.

❖ Luật phản phục: Theo Lão Tử, luật phản phục của Đạo tức là luật tuần hoàn của Vũ trụ: mặt trời mọc rồi lặn rồi hôm sau lại mọc, trăng tròn rồi lại khuyết rồi đến rằm sau lại tròn lại, bốn mùa thay phiên nhau. Luật vận hành của Đạo là trở lại lúc đầu, vạn vật trong thiên hạ từ “có” sinh ra, “có” lại từ “không” mà sinh ra. Đó là quy luật vĩnh cửu và bất biến.

⇒ Nhân địn h: Đạo giáo là một trong những trường phái triết học lớn , ra đời ngay trong buổi bình minh của lịch sử triết học Trung Quốc và nhân loại . Trong lịch sử hình thành và phát triển của mình ,Đạo giáo đã thâm nhập nhiều tư tưởng đã phổ biến từ thời

nhà Chu (1040-256 trước CN), các trào lưu thượng cổ khác nhau tạo nên nền tảng vững chắc cho học thuyết của mình, đã có rất nhiều người học theo tư tưởng của Đạo giáo với

tư cách một trường phái triết học và còn nhiều người hơn thế nữa theo Đạo giáo với tư cách một tôn giáo hay nghệ thuật sống. Không dừng lại ở đó, Đạo giáo còn có tác động ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, nghệ thuật, tín ngưỡng - tôn giáo, đạo đức, y học, tâm lý học, sinh học, v.v... ở nhiều nước châu Á như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên...

CHƯƠNG II: SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA NHO GIA VÀ ĐẠO GIA

VÀ ĐẠO GIA

2.1 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về con người.

2.1.1 Sự tương đồng:

+ Tập trung chủ yếu vào xã hội và con người, coi trọng hành vi cá nhân, hướng tới sự thống nhất, hài hòa giữa con người và xã hội.

+ Coi con người là chủ thể của đối tượng nghiên cứu: hướng vào nội tâm - luôn cố gắng tìm tòi về bản thân con người và mối quan hệ giữa con người và xã hội xung quanh và ít quan tâm đến khoa học tự nhiên. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự kém phát triển về nhận thức luận, là nguyên nhân sâu xa của sự kém phát triển kinh tế, khoa học so với văn minh Phương Tây (hướng ngoại).

2.1.2 Sự khác biệt:

+ Nho gia: Trong xã hội, có những hạng người sống thuần bằng bản năng như loài cầm thú. Đó là những người phạm phụ tục tử, là những kẻ hạ cấp xét về phương tiện đạo đức phẩm cách. Những kẻ này, theo Nho giáo, đều gọi là *tiểu nhân*... dù rằng kẻ ấy có chiếm giữ địa vị cao và giàu có trong xã hội chẳng nữa. Nếu *tiểu nhân* là người thô lậu, sống thuần vào bản năng, thì ngược lại, *quân tử* là người tiến hóa, biết khắc phục bản thân, hiểu mệnh trời, hiểu đạo lý và biết định mệnh con người là gì. Những đặc tính của kẻ *tiểu nhân* thì tương phản rõ rệt với những đặc tính của người *quân tử*. Nhưng *tiểu nhân* và *quân tử* không phải là hai mặt đối lập nhau, không phải là hai cực đoan, mà *quân tử* là giai đoạn tiến hóa của *tiểu nhân*. Không có *tiểu nhân*, thì không có *quân tử*. *Quân tử* và *tiểu nhân* có sự tương đồng, ấy là họ đều có cái Thiên Tính trong người. Cái tính đầy trọn sáng trọn lành, nó hướng đạo con người làm điều thiện, điều phải. Con người vì bị vật dụng che khuất lương tri nên mới có phân biệt kẻ ác người thiện. Nho gia từng nói: *«Người ta ai cũng giống nhau vì có bản tính lành, nhưng do tập nhiễm thói xấu nên họ mới khác xa nhau.»* Còn Mạnh Tử thì bảo: *«Cái chỗ con người khác với cầm thú thật không xa mấy. Kẻ thứ dân thì bỏ mất sự sai biệt ấy, còn người quân tử thì biết bảo tồn nó.»*

+ Đạo gia: Xuất thế là quan niệm con người sống, hoạt động theo lẽ tự nhiên,

thần phác, không làm trái với tự nhiên, không giả tạo, không gò ép trái với bản tính của mình và ngược với bản tính của tự nhiên, không can thiệp vào trật tự của tự nhiên, chỉ làm cho dân no bụng, xương cốt mạnh mà lòng hư tĩnh, khiến cho dân không biết,

không muốn. Lão Tử đã rút ra nghệ thuật sống dành cho con người là: từ ái, cần kiệm, khiêm nhường, khoan dung.

2.2 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về chính trị - xã hội

2.2.1 Sự tương đồng:

+ Khuyên con người sống không giả tạo, từ bỏ tính tham lam, vị kỷ để không làm mất đức và con người sống phải chừng mực, điều gì mà mình không muốn cũng đừng nên áp dụng cho người khác.

+ Các học thuyết đưa ra cũng đều nhằm hướng đến tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội thời đại đặt ra, giải quyết những mâu thuẫn do xã hội đưa ra và đưa con người đến một lối giải thoát theo các cách khác nhau.

2.2.2 Sự khác biệt:

❖ Giai đoạn xã hội loạn lạc:

+ Nho gia: Phương thức của nhà Nho, đứng đầu là Khổng Tử, gồm cả Mạnh Tử sau này, thì một mặt mong muốn trở lại với quy phạm hành vi nguyên thủy, như duy trì quy tắc tôn pháp dưới chế độ phong kiến nhà Chu; đồng thời mặt khác, sáng tạo nấc thang giá trị mới. Mong được xã hội công nhận, như cổ súy, đề cao đức tính Nhân Ái luân lý Trung Hiếu

+ Đạo gia: Phương thức của Đạo gia, đứng đầu là Lão Tử, gồm cả Trang Tử sau này, thì bài bác, chống phá trật tự xã hội hiện hữu bằng hành vi tích cực, hoặc tự đặt mình ra ngoài vòng xã hội đó, bằng hành vi tiêu cực, như đi ẩn náu, mai danh lánh nạn chẳng hạn. Lão Tử bảo rằng: "Giai bình giả bất trường chi khí". (Quân lực mạnh, là thứ chẳng lành), và rằng: "Dĩ Đạo tác nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ". (Kẻ biết dùng Đạo mà phò chúa, thì chẳng lấy chiến tranh làm phương tiện, để cường bức thiên hạ).

❖ Quan điểm về xây dựng nước:

+ Nho Gia: Quan điểm Nước lớn đó là xây dựng một đất nước lớn mạnh và chủ trương xây dựng một xã hội đại đồng. Người quân tử phải hành đạo, tức là phải làm quan, làm chính trị. Nội dung của công việc này được công thức hóa thành "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Tức là phải hoàn thành những việc nhỏ - gia đình, cho đến lớn - trị quốc, và đạt đến mức cuối cùng là bình thiên hạ (thống nhất thiên hạ). Quan điểm Hữu vi là đem áp đặt ý chí của mình vào sự vật. Ở nho giáo là trị quốc áp đặt theo "đức trị" hay "nhân trị".

“Đức trị” : Theo quan điểm này luôn coi trọng giáo dục, phản đối bạo lực và chiến tranh. Khổng Tử luôn lấy sự học là cái đi đầu mở trường và thu nhận đệ tử để truyền thụ kiến thức, những lời dạy của Ngài đã được các đệ tử ghi lại trong cuốn “Luận ngữ”; Ông coi XH là tổng hợp các mối quan hệ giữa người với người, đó là Ngũ luân và Tam cương và các phạm trù cơ bản trong học thuyết của Khổng Tử là Nhân - Nghĩa - Lễ - Chính danh.

“Nhân trị”: Theo quan điểm này Giai cấp thống trị phải thương yêu, tôn trọng, chăm lo cho nhân dân; Đường lối nhân trị của Khổng Tử có tính chất điều hòa mâu thuẫn giai cấp, phản đối đấu tranh. Ông khuyên giai cấp thống trị phải thương yêu, tôn trọng, chăm lo cho nhân dân. Đồng thời, ông cũng khuyên dân phải an phận, lấy nghèo làm vui, nghèo mà không oán trách; Ông coi việc oán trách cảnh nghèo hèn, ưa dùng bạo lực là mầm mống của loạn. Tuy nhiên, những kế sách chính trị của ông chỉ dừng lại ở tính chất cải lương và duy tâm chứ không phải phải bằng cách mạng hiện thực; Khía cạnh xã hội của con người bị hiểu một cách hạn chế và duy tâm.

+ Đạo gia: Quan niệm Nước nhỏ, dân ít là theo quan niệm của Lão Tử, ông chủ trương "Tiểu quốc quả dân", hạn chế quyền lực của Nhà nước và hoạt động của dân đến mức tối đa, để cho dân sống chất phác thời nguyên thủy. Người cho rằng, với nước nhỏ dân thưa, thì ít có tranh chấp và dễ trị, Nhà nước chẳng phải nhọc lòng làm gì mà dân vẫn tự sống an lành. “Dù khí cụ gấp trăm gấp chục sức người cũng không dùng đến. Ai nấy đều coi sự chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có xe thuyền mà không ai ngồi. Có gươm giáo mà không bao giờ dùng. Bỏ văn tự, bắt người ta trở lại dùng lối thắt dây ghi dấu thời thượng cổ. Ai nấy đều chăm chú vào việc ăn no, mặc ấm, ở yên, vui với phong tục của mình. Ở nước này có thể nghe thấy gà gáy chó sủa của nước kia, nhân dân trong những nước ấy đến già chết mà vẫn không qua lại lẫn nhau” (Đạo đức kinh, chương 80).

Bên cạnh đó, trong quan niệm về Đạo của Lão Tử chẳng có liên hệ gì tới trí thức. Ông viết viết: "Tuyệt học vô tư . (Có bỏ học mới hết ưu phiền); "Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri". (Người có học vẫn chẳng bao giờ nói, kẻ hay nói mới là người không hiểu biết)

Quan điểm Vô vi : Không dùng luật pháp, không cần giáo dục nhân, lễ, nghĩa, trí. Nhấn mạnh bản tính tự nhiên của con người Chính phủ yên tĩnh vô vi thì dân sẽ biến thành chất phác, chính phủ tích cực làm việc thì dân đầy tai họa. Có nghĩa là sống và hoạt động theo lẽ tự nhiên, thuần phác, không làm trái với tự nhiên, không can thiệp vào

trật tự của tự nhiên, chỉ làm cho dân no bụng, xương cốt mạnh mà lòng hư tĩnh, khiến cho dân không biết, không muốn;

❖ Vấn đề giai cấp

+ Nho gia: Quan niệm về giai cấp rõ ràng, đạo nhân chỉ là đạo của người quân tử là của giai cấp thống trị, phải có sự tác động của giai cấp thống trị thì xã hội mới trật tự, kỷ cương, đề cao chính doanh, phải có danh vị. Chính danh là mỗi sự vật phải được gọi đúng tên của nó, mỗi người phải làm đúng chức phận của mình. "Danh không chính thì lời không thuận, lợi không thuận tất việc không thành" (sách Luận ngữ). Khổng tử nói với vua Tề Cảnh Công: "Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử - Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con" (sách Luận ngữ).

+ Đạo gia: Không đặt nặng vấn đề giai cấp, đề mọi thứ thuận theo lẽ tự nhiên. Theo quan niệm vô vi thì vừa ít can thiệp vào việc của dân, để dân thuận theo tự nhiên mà sống. Đề cao lẽ tự nhiên, không ham muốn, không tham vọng.

2.3 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về tư tưởng biện chứng:

2.3.1 Sự tương đồng:

Khổng Tử và Nho gia nói chung ít quan tâm đến vấn đề lý giải thế giới, nguồn gốc của vũ trụ. Tuy nhiên để tìm chỗ dựa vững chắc cho lý luận đạo đức của mình, Khổng Tử cho rằng vạn vật không ngừng biến hóa theo một trật tự không gì cưỡng lại được. Chúng ta có thể bắt gặp tư tưởng này trong Đạo gia với quan niệm của Lão Tử về đạo: Đạo vừa mang tính khách quan (vô vi), vừa mang tính phổ biến.

Cả Đạo gia và Nho gia đều theo chủ nghĩa duy tâm: Trong Nho Gia, Mạnh Tử hệ thống hóa triết học duy tâm của Nho Gia trên phương diện thế giới quan và nhận thức luận. Tư tưởng triết học của Tuân tử thuộc chủ nghĩa duy vật thô sơ; Với Đạo Gia thì lại đề cao tư duy trừu tượng, coi khinh nghiên cứu sự vật cụ thể. Lão tử cho rằng “Không cần ra cửa mà biết thiên hạ, không cần nhòm qua khe cửa mà biết đạo trời”.

2.3.2 Sự khác biệt:

+Nho gia: Khổng Tử tìm cách kết hợp nền văn minh nông nghiệp với văn minh gốc du mục. Ông đặt cơ sở lập luận trên sự quan sát các xã hội thực tế và trên sự chấp nhận những truyền thống được lưu truyền trong chúng. Ngài thừa nhận rằng không lời giảng dạy nào do ngài nói ra có nguồn gốc từ ngài. Ngài “thuật nhi bất tác: chỉ kể lại chứ không đặt ra”. Ngài tự xem mình chỉ là kẻ trình bày chi tiết các lời giảng cổ truyền,

đặc biệt những gì được thu thập trong quá khứ và phản ánh sinh hoạt thời sơ Chu. Trong Phương pháp chứng luận, Nho gia lấy Thiên ký lưu hành làm căn bản. Về tín ngưỡng thì luôn luôn tin rằng Thiên Nhân tương dữ, nghĩa là Trời và Người tương quan với nhau. Về thực hành lấy hành động thực nghiệm làm trọng. và về trí thức thì lấy trực giác để soi rọi tìm hiểu sự vật.

+ Đạo gia: Lão Tử dựa hoàn toàn vào nền văn minh nông nghiệp và ông có khuynh hướng "phản nhân văn", thiên về triết lý siêu hình, nên Lão Tử được coi là một triết gia rất lý trí và bình thản. Lão Tử chủ trương "Tuyệt Thánh khí trí" (Đoạn tuyệt với Thánh Hiền, loại bỏ trí thức) và "Tuyệt Nhân khí nghĩa" (Đoạn -tuyệt với cái gọi là Nhân, loại bỏ những gì gọi là Nghĩa), cứ để cho tất cả trở về với bản tánh chất phác, chân thật thôi. Lão Tử viết trong Đạo đức kinh, chương 47 rằng: “Không ra khỏi cửa mà biết được việc thiên hạ. Không dòm ngoài cửa mà thấy được Đạo Trời. Càng ra xa, càng biết ít. Bởi vậy, Thánh nhân không đi mà biết, không thấy mà hiểu, không làm mà nên” (Nguyễn Duy Cần dịch). Toàn thể vũ trụ bị chi phối bởi 2 quy luật chung:

- Luật Quân Bình: Luôn giữ sự vận động được thăng bằng, theo một trật tự điều hòa tự nhiên không để cái gì thái quá, chênh lệch hay bất cập, cái gì Cong thì ngay, chững lại đầy, cũ lại mới, ít thì được, nhiều thì mất, nhờ có Luật quân bình vạn vật mới tồn, biến đổi theo 1 trật tự tự nhiên nhất định,... Vạn vật biến đổi theo một vòng tuần hoàn đều đặn, Quy luật bất di bất dịch của tự nhiên, dương cực sinh âm, vòng tròn của tạo hóa gọi là Thiên quân. Phản phục là trở lại với đạo tự nhiên vô vi, về với chính bản tính tự nhiên của mình, không thái quá, không bất cập không làm gì cả nhưng không gì không làm, nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động. vạn vật biến hóa nối tiếp nhau theo một vòng tuần hoàn đều đặn, nhịp nhàng, bất tận.

- Luật vô vi: Nghệ thuật sống của con người, có 03 nghĩa:

- + Vạn vật đều có bản tính tự nhiên chúng vận động tiến hóa theo lẽ tự nhiên mà không cần biết ý nghĩa

- + Vô vi có nghĩa là tự do tuyệt đối, không bị ràng buộc bởi ý tưởng dục vọng, đam mê, ham muốn nào

- + Giữ gìn bản tính tự nhiên của mình, ngăn chặn bài trừ những gì làm tổn hại đến bản tính tự nhiên của vạn vật, mà trước hết là chống lại các hành động của con người trong xã hội, dân nhiều khí giới => nước càng loạn, thóc gạo càng tăng trộm cắp càng nhiều

2.4 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về giáo dục

2.4.1 Sự tương đồng:

Con người sống và hành động dựa trên các nguyên tắc cơ bản, hợp với lòng người theo một quan niệm nhân sinh vững chắc. Cả 2 trường phái đều hướng con người đến cái thiện, khuyên con người sống tốt để có gia đình hạnh phúc và góp phần cho 1 xã hội ổn định.

+ Nho gia nguyên thủy cho rằng Nền tảng của gia đình – xã hội là những quan hệ đạo đức – chính trị, đặc biệt là quan hệ vua – tôi, cha – con, chồng – vợ. Các quan hệ này được nho gia gọi là đạo. Khi các quan hệ này chính danh thì xã hội ổn định, gia đình yên vui và ngược lại. Nho giáo nguyên thủy là triết lý của Khổng Tử và Mạnh tử về đạo làm người quân tử và cách thức trở thành người quân tử, cách cai trị đất nước

+ Đạo gia thì giáo huấn con người theo thuyết vô vi: sống và hành động theo lẽ tự nhiên, không giả tạo, không gò ép trái với bản tính của mình và ngược với bản tính của tự nhiên, là từ bỏ tính tham lam, vị kỷ để không làm mất đức. Nghệ thuật sống dành cho con người là từ ái, cần kiệm, khiêm nhường, khoan dung.

Cả Nho gia và đạo gia đều đề cao và coi trọng người quân tử. Người quân tử là những người có phẩm chất tốt đẹp, cao quý và đáng được tôn trọng và noi theo.

2.4.2 Sự khác biệt:

+ Nho gia: Nho gia quan niệm cần xây dựng một xã hội chính danh để mỗi người mỗi đẳng cấp xác định rõ danh phận của mình mà thực hiện. Song song đó là đưa con người vào những chuẩn mực cụ thể: Trung, hiếu, Nghĩa, Trí, Dũng. Dựa trên khuynh hướng về đạo nhập thế, Nho gia hướng con người những cách cư xử hợp đạo làm người, ăn ở cho phải đạo. Những người Nho học thì chuyên về mặt thực tế, ít chú trọng về mặt lý tưởng.

+ Đạo gia: Đối với Đạo gia thì lại quan niệm xây dựng một xã hội bình đẳng, không phân biệt người với ta, không làm thiệt hại ai. Và các triết gia khuynh hướng này cũng đưa ra những chuẩn mực trong cách đối nhân xử thế, khuyên con người cần có 3 đức: Từ, Kiệm, Khiêm. Trái với khuynh hướng về đạo Nhập thế của Nho gia, Đạo gia đi theo khuynh hướng xuất thế, lấy đạo làm chủ thể cả vũ trụ dạy ta nên lấy thanh tĩnh vô vi nơi yên lặng. Những người tu theo Đạo giáo, chỉ biết xuất thế lo tu độc thiện kỳ thân.

2.5 Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về khởi nguyên vũ trụ:

2.5.1 Sự tương đồng:

- Quan niệm về đạo: Cả 2 trường phái đều đề cập đến khởi nguyên vũ trụ bắt nguồn từ đạo. Đạo để chỉ cái nguyên lý tuyệt đối của vũ trụ đã có từ trước khi khai thiên lập địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Đạo có thể quan niệm dưới 2 phương diện: vô và hữu. Vô thì Đạo là nguyên lý của trời đất, nguyên lý vô hình. Hữu thì Đạo là nguyên lý hữu hình, là mẹ sinh ra vạn vật “Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu”.

- Quan niệm về âm dương: Cả 2 trường phái đều đề cập đến khởi nguyên vũ trụ bắt nguồn từ âm dương. Âm và dương theo khái niệm cổ sơ không phải là vật chất cụ thể, không gian cụ thể mà là thuộc tính của mọi hiện tượng, mọi sự vật trong toàn vũ trụ cũng như trong từng tế bào, từng chi tiết. Âm và dương là hai mặt đối lập, mâu thuẫn thống nhất, trong Âm có Dương và trong Dương có Âm. Người ta còn nhận xét thấy rằng cơ cấu của sự biến hoá không ngừng đó là ức chế lẫn nhau, giúp đỡ, ảnh hưởng lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

2.5.2 Sự khác biệt:

+ Nho gia: Theo Khổng Tử, có một trật tự nền tảng của vũ trụ mà ta không thể thoát khỏi những thể hiện của nó. Mặt khác, hiểu rõ cái không thể tránh ấy sẽ khiến ta có khả năng nhận ra những gì có thể sửa đổi và tu thân. Khổng Tử nói: “Chẳng biết mệnh trời, thì biết lấy gì để làm người. Chẳng biết Lễ thì biết lấy gì để lập thân. Chẳng thể phân biệt lời phải trái, thì biết lấy gì để biết người.” (Luận ngữ, XX:3).

Khổng Tử đứng trên quan điểm triết học của Kinh Dịch. Theo tư tưởng của kinh này thì yên nguyên của vũ trụ, của vạn vật là thái cực. Sự biến hóa trong Vũ Trụ là do nhứt động nhứt tịnh của Thái Cực mà ra. Vạn vật đã phát hiện ra là thực có, thì nên theo cái thực ấy mà hành động sinh tồn. Thái cực chứa đựng một năng lực nội tại mà phân thành lưỡng nghi. Sự tương tác giữa hai thế lực âm - dương mà sinh ra tứ tượng. Tứ tượng tương sinh ra bát quái và bát quái sinh ra vạn vật. Vậy là sự biến đổi có gốc rễ ở sự biến đổi âm - dương. Quan niệm về Âm – Dương sinh ra ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), từ đó sinh ra mọi biến đổi trong tự nhiên và xã hội.

+ Đạo gia: Đến Lão Tử, thì được ông quan niệm đó là Đạo. Trong chương 25, sách “Đạo đức kinh” ông viết: “Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hê, liêu hê,

độc lập nhi bất cải, chua hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫn. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi kỳ đạo, cường vị chi danh viết đạo”. (Có một vật hỗn độn mà thành trước cả trời đất. Nó yên lặng, trống không, đứng một mình mà không thay đổi, vận hành khắp cả mà không ngừng, có thể coi nó là mẹ của vạn vật trong thiên hạ. Ta không biết tên nó là gì, tạm đặt tên cho nó là Đạo. Đạo mang tên lớn vô cùng).

Ở chương hai mốt ông viết: “Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt, hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng, hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật. Yếu hề minh hề, kỳ trung hữu tình, kỳ tinh thâm chân, kỳ trung hữu tín”. “Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ. Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trang tại. Dĩ thử”.

(Đạo là cái gì chỉ mập mờ thấp thoáng, thấp thoáng mập mờ mà bên trong có hình tượng, mập mờ thấp thoáng mà bên trong có vật, nó thâm viển tối tăm, mà bên trong có cái tinh túy, tinh túy đó rất xác thực và rất đáng tin. Từ xưa tới nay, đạo tồn tại mãi, nó sáng tạo vạn vật. Chúng ta do đâu mà biết được bản nguyên của vạn vật. Do nắm, hiểu được Đạo).

Cuối cùng trở lại chương một, ông viết: “Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu”. (Cái không tên là khởi thủy của trời đất, cái có tên là mẹ sinh ra muôn vật)

Vạn vật đều có nguồn gốc từ đạo. Đạo ở đây được hiểu là quy luật tồn tại khách quan, không có màu sắc, không nhìn thấy. Quan niệm về Âm – Dương sinh ra 3 lực (Thiên, Địa, Nhân), từ đó sinh ra vạn vật.

CHƯƠNG III : KẾT LUẬN

Thông qua việc tìm hiểu những tư tưởng trong hai học thuyết của Nho gia và Đạo gia, sâu xa hơn là phân tích những điểm tương đồng và khác biệt, ta thấy được những quan niệm tích cực cũng như hạn chế của hai học thuyết này. Từ đó có thể hiểu và giải thích được những hiện tượng, cách xử thế, lối sống đang hiện hữu, đồng thời vận dụng phù hợp những học thuyết ấy vào cuộc sống.

Tư tưởng triết học Đạo gia đã để lại những tinh hoa và những lý luận, quan điểm sâu sắc, những tư tưởng vượt thời đại làm nền tảng cho rất nhiều môn khoa học hiện đại

ngày nay, khơi nguồn cho nhiều tư tưởng triết học sau này. Bên cạnh những tư tưởng tiên bộ vượt bậc so với quan điểm đương thời về quan điểm duy vật và biện chứng thì tư tưởng triết học cơ bản của Đạo gia về nhận thức luận và nhân sinh quan muốn ngăn cản tính năng động, sáng tạo của ý thức con người cả trong quá trình hoạt động nhận thức lẫn trong hoạt động thực tiễn. Song, vượt lên tất cả, với tinh thần cầu thị và tôn trọng lịch sử, chúng ta vẫn có thể rút ra rất nhiều bài học có giá trị cả trong nhận thức lẫn trong thực tiễn trước bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ đương đại. Trong đó có các quan điểm về phát triển bền vững, phát triển hài hòa, bảo vệ môi trường, cân bằng đời sống vật chất và tinh thần, cân bằng giữa tự nhiên và xã hội, mối quan hệ giữa cái toàn thể và cái cục bộ, cũng như quan điểm trong việc giải quyết các vấn đề (mặt) đối lập mà thực tiễn đặt ra...

Theo đà phát triển tư tưởng của nhân loại, ngày nay một số tư tưởng Nho gia - Đạo gia đã không còn phù hợp với đời sống xã hội nước ta, thậm chí một số quan điểm Nho giáo còn mang tính lạc hậu, cổ hủ, kìm hãm sự phát triển văn hoá ở một số vùng nông thôn. Chúng ta cần phải biết chắt lọc, tiếp thu và phát triển những tư tưởng của Nho giáo để giải quyết những vấn đề về gia đình, về mối quan hệ cá nhân và xã hội, về quản lý đất nước, về phát triển kinh tế, giáo dục... trong thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Mặc dù hai tư tưởng này không còn tồn tại chính thức ở Việt Nam nhưng ảnh

hưởng của chúng vẫn còn sâu nặng trong tư tưởng của dân tộc ta, nếu như tư tưởng Nho gia đem lại cho Việt Nam các truyền thống quý báu như: tinh thần yêu nước, hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo... thì Đạo gia đem lại cho chúng ta rất nhiều bài học có giá trị cả trong nhận thức lẫn trong thực tiễn trước bối cảnh toàn cầu hóa và cách

mạng khoa học công nghệ đương đại. Trong đó có các quan điểm về phát triển bền vững, phát triển hài hòa, bảo vệ môi trường...

Ngày nay, tồn tại xã hội và ý thức xã hội đã thay đổi vượt bậc, song những tư tưởng triết học của Nho gia và Đạo gia vẫn có sức sống và tác động đáng kể đối với đời sống con người, đặc biệt ở những nước vốn chịu sự ảnh hưởng truyền thống của chúng.

Nghiên cứu tư tưởng triết học Nho gia và Đạo gia giúp chúng ta khám phá được sức

lượng tư tưởng của hai trường phái này và sức ảnh hưởng của chúng trong công cuộc hiện đại hóa, công nghệ hóa của các quốc gia đang phát triển rất nhanh trong vực như :

Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... vốn chịu sự ảnh hưởng truyền thống của chúng.

PHỤ LỤC

NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA HỌC THUYẾT NHO GIA VÀ ĐẠO GIA ĐẾN XÃ HỘI VIỆT NAM

1. SỰ DU NHẬP CÁC TƯ TƯỞNG NAM TRIẾT HỌC VÀO VIỆT

Thời kỳ Bắc thuộc bắt đầu bằng sự xâm lược của nhà Hán năm 110 trước công nguyên cho tới khi Ngô Quyền giành được độc lập vào năm 939. Trong thời gian này, kẻ thù đã tìm mọi cách để Hán hoá dân tộc ta, về tư tưởng là truyền bá Nho giáo. Những âm mưu thâm độc này đều bị nhân dân ta kiên quyết chống lại để bảo vệ nền văn hiến của mình. Cùng với Nho giáo còn có Phật giáo và Đạo giáo cũng được truyền vào nước ta. Sự tương tác của tam giáo này trên cơ sở những tư tưởng triết học của dân tộc Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn quật cường của đất nước, đã từng bước tạo nên tư tưởng triết học Việt Nam. "Cái quý giá" trong di sản ấy là trình độ nhận thức vững chắc về tự nhiên và xã hội, về cuộc sống đấu tranh chống thiên tai địch họa và mỗi tâm lý có bản sắc riêng thể hiện trong phong tục, nếp sống và sự ứng xử giữa mọi người. Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm để bảo vệ Tổ quốc và lật đổ ách thống trị của ngoại bang nhất giải phóng dân tộc như một ngọn lửa cháy trong di sản ấy.

Thời kỳ xây dựng quốc gia độc lập thịnh vượng (thế kỷ X đến thế kỷ XV) là thời kỳ mà dân tộc ta đã giành được độc lập, tự chủ bằng xương máu của mình. Những thắng lợi vĩ đại của công cuộc dựng nước và giữ nước ấy được phản ánh sinh động và rực rỡ trong đời sống ý thức của dân tộc, trong đó tư tưởng triết học về dân, về con người, về dân tộc... hay nói chung hơn, những tư tưởng triết học về xã hội, về thực tiễn giữ vai trò là trung tâm của nó và xuyên suốt về sau.

Triết học Việt Nam tiếp tục được kế thừa, bổ sung và phát triển gắn liền với hoạt động thực tiễn dựng nước và giữ nước của dân tộc và đỉnh cao của sự phát triển ấy được tỏa sáng rực rỡ trong tư tưởng triết học của Chủ tịch Hồ Chí Minh. "Chính những tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam chỉ đạo hệ thống những luận điểm cách mạng nổi tiếng của Người. Nó quyết định tính đúng đắn của đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam do Hồ Chí Minh và Đảng ta đã vạch ra, là một trong những nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam".

2 ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO ĐẾN XÃ HỘI VIỆT NAM

□ Ảnh hưởng của Nho giáo trước Cách mạng tháng 8

Nho giáo du nhập vào Việt Nam khá lâu có ảnh hưởng sâu sắc đến truyền thống giáo dục, tư tưởng nhân dân ta từ xưa đến nay.

Nho giáo trong xã hội phong kiến : Tư tưởng không được ưa thích trong nhân dân Việt Nam Nho giáo dần dần chiếm giữ vị trí quan trọng trong hệ thống xã hội phong kiến.

a/ Tích cực

- Nho giáo với hệ thống tư tưởng chính trị của mình đã góp phần xây dựng các nhà nước trung ương tập quyền vững mạnh.

- Nho giáo rất coi trọng trí thức , coi trọng học hành . Hàng nghìn năm qua , Nhà nước Việt Nam đều lấy Nho học -Nho giáo làm nền tảng lý luận để tổ chức nhà nước, pháp luật, đặc biệt là giáo dục .

- Giáo dục Nho giáo góp phần nâng cao văn hóa con người, đặc học, sử học , triết học .

- Hiếu học là đặc điểm của nho giáo và điểm này đã trở thành chính đặc điểm

thống văn hóa của người Việt Nam.

- Nho giáo góp phần xây dựng mối quan hệ xã hội ngày càng rộng rãi hơn , bền chặt hơn, có tôn ti trật tự hơn.

b/ Tiêu cực

- Nho giáo Việt Nam quá coi trọng nông nghiệp mà bài xích thương nghiệp , quá chú trọng đến tự sản , tự tiêu mà mà tính quyền đi sự trao đổi mua bán

, kèm ham năng động, sáng tạo dẫn đến quan liêu, bảo thủ trong cả kinh tế lẫn chính trị.

- Nho giáo quá bảo thủ không đến bi tiếp thu những cái mới ưu việt hơn dân cái mới ưu việt hơn tiêu diệt.

• Quan điểm coi thường người phụ nữ của Nho giáo đã kềm hãm và đóng góp của người phụ nữ sự phát triển

khiến. • Xem nhân dân là những người nghèo hèn cần được bề trên chăm sóc và sai

□ Ảnh hưởng của Nho giáo trong thời kỳ sau cách mạng tháng 8

Nho giáo được Việt Nam hóa, tri thức của Nho giáo đóng góp đáng kể vào việc củng cố

cố những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nâng nó lên thành những tư tưởng ổn định

thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Các nhân tố tích cực của Nho giáo đã được Hồ Chí Minh giữ gìn và phát huy phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, bên cạnh loại bỏ các quan điểm lạc hậu của Nho giáo.

Tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo vẫn còn tồn tại trong xã hội ngày nay. Nội dung của Nho giáo đứ c và dạy tài vậ n còn có ý nghĩa giáo dục là dạy nghĩa

và càng được trân trọng.

NAM

3 ĐẠO GIA VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG

ĐỀ N XÃ HỘI VIỆT

Đạo giáo thâm nhập vào Việt Nam từ cuối thế kỷ II. Đạo giáo chủ trương không tham gia vào đời sống xã hội (xuất thế) nhưng khi vào đến Việt Nam thì Đạo giáo còn được dùng làm vũ khí chống áp bức (nhập thế). Ví dụ, đời Hồ Quý Ly, có Trần Đức Huy dùng pháp thuật để thu hút đông đảo người theo chống lại triều đình sau đó bị dẹp.

□ Những ảnh hưởng tích cực

Trong khi Nho giáo vốn mang bản chất của một công cụ tổ chức xã hội, và với Hán Nho, nó đã thực sự trở thành một vũ khí của kẻ thống trị, thì Đạo giáo, trên cơ sở thuyết vô vi, lại mang sẵn trong mình tư tưởng phản kháng giai cấp thống trị. Vì vậy, cũng giống như ở Trung Hoa, vào Việt Nam, Đạo giáo (phù thủy) đã được người dân sử dụng làm vũ khí chống lại kẻ thống trị. Ngay khi thâm nhập nó đã là vũ khí chống lại phong kiến phương Bắc rồi. Phong trào nông dân khởi nghĩa ở các tỉnh Nam Trung Hoa vào thế kỷ II đều có liên hệ với các cuộc khởi nghĩa nông dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân. Vào thời kỳ phong kiến dân tộc ở Việt Nam, Đạo giáo thường được dùng để thu hút nông dân tham gia vào các cuộc bạo động chống lại cường hào ác bá địa phương và quan lại trung ương.

Đạo giáo hòa trộn với tín ngưỡng truyền thống. đặc biệt là Đạo giáo phù thủy, tìm thấy ngay rất nhiều điểm tương đồng với tín ngưỡng ma thuật của người dân Việt nên Đạo giáo ăn sâu vào người Việt rất dễ dàng. Từ xa xưa người Việt Nam từ miền núi đến miền xuôi đã rất sùng bái ma thuật, phù phép; họ tin rằng các lá bùa, những câu thần chú... có thể chữa bệnh, trị tà ma, có thể làm tăng sức mạnh, guom chém không đứt...

Ngay các nhà sư cũng phải học các phép trị bệnh, trừ tà ma thì mới đưa Phật giáo thâm nhập vào dân chúng vốn có tín ngưỡng ma thuật đợc. Đạo giáo phù thủy rất tương đồng với tín ngưỡng ma thuật nên sự hòa trộn xảy ra rất mãnh liệt đến không thể phân biệt nổi đâu là Đạo giáo, đâu là tín ngưỡng. Rất nhiều nhà nghiên cứu quy hết cho mọi

tín ngưỡng Việt Nam là Đạo giáo, còn đối với người dân thích đồng bóng, bùa chú,... thì lại không biết Đạo giáo là gì.

Đạo giáo còn hòa trộn với các tôn giáo khác như Phật giáo. Chử Đồng Tử là người vừa tu đắc đạo thành Phật, vừa được coi là tổ sư của Đạo giáo Việt Nam. Đạo giáo còn ảnh hưởng đến các nhà Nho, các nhà nho khi gặp chuyện bất bình trong chốn quan trường thì hay lui về ẩn dật, tìm thú vui nơi thiên nhiên, sống cuộc sống an bình thanh thản, đó là các tu của Đạo giáo.

Tính linh hoạt và âm dương hòa hợp là những đặc tính của Đạo giáo Việt Nam. Đạo giáo phù thủy thờ các vị thần là Ngọc Hoàng Thượng Đế (Ngọc Hoàng), Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử), Quan Thánh Đế (Quan Công), người Việt còn thờ các vị thánh của riêng mình. Câu tục ngữ, "Tháng 8 giỗ cha, tháng 3 giỗ mẹ" là để chỉ Đức Thánh Trần (Trần Hưng Đạo) và Bà Chúa Liễu (Liễu Hạnh Công chúa). Việc thờ đức Thánh Trần với tam phủ (nữ thần trời-đất-nước) và tứ phủ (nữ thần mây-mưa-sấm-chớp) đi liền với tín ngưỡng đồng bóng. Người thờ đức Thánh Trần được gọi là ông đồng; người thờ tam phủ, tứ phủ thì gọi là bà đồng. Các ông đồng, bà đồng có thể cho người khác mượn thân xác của mình, trạng thái này gọi là lên đồng.

Thời chống Pháp, để đối phó với kẻ địch có ưu thế về súng đạn, nhiều cuộc khởi nghĩa đã tích cực sử dụng ma thuật làm vũ khí tinh thần: Mạc Đĩnh Phúc (cháu 18 đời của nhà Mạc) khởi nghĩa năm 1895 ở các tỉnh miền biển Bắc Bộ, tuyên truyền là mình có phép làm cho Pháp quay trở lại bán Pháp. Võ Trứ (quê ở Bình Định) và Trần Cao (quê ở Quảng Nam) lãnh đạo nghĩa quân người Kinh và người Thượng đeo bùa mang cung tên, dao rựa đánh giặc. Nguyễn Hữu Trí đóng trụ sở ở núi Tà Lơn (Nam Bộ), tôn Phan Xích Long làm Hoàng đế, đồn rằng ông là con vua Hàm Nghi và có nhiều phép màu, nhất là phép làm cho súng địch không nổ...

□ Những ảnh hưởng tiêu cực

Đạo giáo phù thủy, đã thâm nhập nhanh chóng và hòa quyện dễ dàng với tín ngưỡng ma thuật cổ truyền tới mức không còn ranh giới. Do vậy mà tình hình Đạo giáo ở Việt Nam rất phức tạp, khiến cho không ít nhà nghiên cứu đã quy hết mọi tín ngưỡng cổ truyền Việt Nam cho Đạo giáo, và ngược lại, người Việt Nam sùng đồng bóng, bùa chú thì lại chẳng hề biết Đạo giáo là gì.

Thuyết "vô vi" của Lão Tử dễ bị người ta mượn cớ trốn tránh trách nhiệm, nhất là những người công chức ăn lương nhà nước, lại có tâm lý tiêu cực, họ bảo nhau: "Ít làm ít lỗi, chẳng làm thì không có lỗi".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

▣ Sách, Tài liệu in, ấn phẩm:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
- Tiểu ban Triết học, Triết học (Phần I & II, dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), LHNB Trường ĐH Kinh tế TP HCM, 2010.
- Khoa Triết học trường ĐH Kinh tế TP HCM, Giáo trình Đại cương lịch sử Triết học, Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM, 2003.
- Nguyễn Hữu Vui (chủ biên), Lịch sử Triết học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- Nguyễn Đăng Duy, Đạo giáo với văn hóa Việt Nam, Nhà xuất bản Hà Nội, 2001.
- Trần Đình Hượu, Đến hiện đại từ truyền thống, Nhà xuất bản Văn hóa , Hà Nội, 1996.
- Hàn Sinh Tuyên & Lê Anh Minh (dịch), Tư tưởng Đạo gia, Nhà xuất bản Tam giáo đồng nguyên, 2008

▣ Bài báo:

- Đỗ Duy Minh, 1997, “Đạo, Học và Chính trị trong học thuyết nhân văn Nho giáo cổ điển”, Tập san *khoa học xã hội và nhân văn*, số 3/1997.

▣ Các trang web:

- <http://vietsciences.free.fr>
- <http://triethoc.edu.vn>
- <http://maxreading.com>
- <http://www.advite.com/daoduckinh.htm>
- <http://diendankienthuc.net>
- http://hoivankhoa.blogtiengviet.net/2010/03/17/a_aono_gia_bamar_c_a_aob_u_ta_m_hiar_u
- <http://thuvienluanvan.com>
- <http://dienchan.com/?cid=3,4&txtid=406>, <http://vi.wikipedia.org>

THÔNG TIN HỎI ĐÁP:

Trong quá trình làm bài tiểu luận, bạn muốn tìm kiếm thêm nhiều tài liệu bài mẫu tiểu luận cập nhật mới của Trung tâm [Best4Team](#)

Liên hệ [dịch vụ viết tiểu luận thuê](#)

Hoặc Gọi SĐT Zalo: 091.552.1220 hoặc email: best4team.com@gmail.com để hỗ trợ ngay nhé!